

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm vào cuối phiên với thanh khoản tăng mạnh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm vào cuối phiên tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở trước lực bán gia tăng vào cuối phiên

[Thông tin doanh nghiệp]

HDB, CTR

[Cập nhật công ty]

GMD

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi bán giảm một phần tỷ trọng ngắn hạn tại vùng cản, NĐT được khuyến nghị có thể giải ngân lại một phần vị thế đã bán tại các vùng hỗ trợ, nhưng cần kiểm soát tỷ trọng và linh hoạt kết hợp bán trading trong nhịp hồi phục sau đó

11/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,252.07	-0.35
VN30	1,272.33	-0.38
HĐTL VN30F1M	1,268.00	-0.20
HNXIndex	300.18	-1.11
HNX30	551.75	-1.32
UPCoM	92.72	-0.42
USD/VND	23,389	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.47	-12
Lãi suất qua đêm (%)	3.55	-16
Dầu (WTI, \$)	92.16	+0.25
Vàng (LME, \$)	1,785.96	-0.36



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,252.07 (-0.35%)
KLGD (triệu CP) 810.6 (+46.6%)
GTGD (triệu US\$) 802.8 (+30.4%)

HNXIndex 300.18 (-1.11%)
KLGD (triệu CP) 128.8 (+26.6%)
GTGD (triệu US\$) 108.9 (+41.3%)

UPCoM 92.72 (-0.42%)
KLGD (triệu CP) 74.9 (+67.7%)
GTGD (triệu US\$) 43.2 (+43.9%)

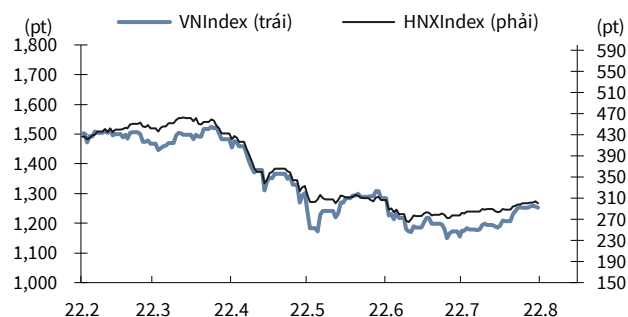
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +3.3

TTCK Việt Nam giảm điểm vào cuối phiên với thanh khoản tăng mạnh. Nhóm cổ phiếu bất động sản, chứng khoán, và ngân hàng giảm điểm tác động tiêu cực tới thị trường. Khối ngoại mua ròng ở SSI (-0.6%), HDB (+1.0%), VND (-1.1%).

Theo World Bank, đối với hệ thống tài chính Việt Nam hiện tại, chất lượng tài sản của các ngân hàng vẫn là một quan ngại và cần phải liên tục theo dõi, cổ phiếu ngành ngân hàng giảm điểm ở BID (-0.3%), MBB (-1.5%).

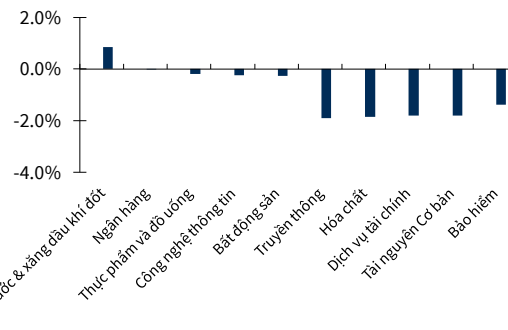
Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (Bộ Công Thương) nhận định giá sắt thép trong nước tiếp tục giảm do báo cáo tồn kho ở mức rất cao tại các tập đoàn sản xuất thép lớn, đặc biệt là tập đoàn thép Hoà Phát, và điều này sẽ tiếp diễn ảnh hưởng giảm giá trong thời gian đến cuối năm, cổ phiếu ngành thép giảm ở HPG (-1.7%), NKG (-4.2%).

VNIndex & HNXIndex



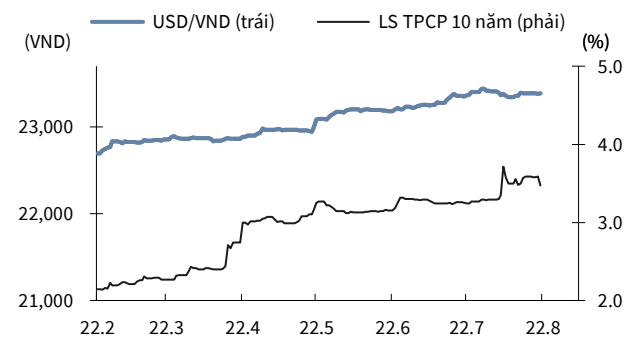
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



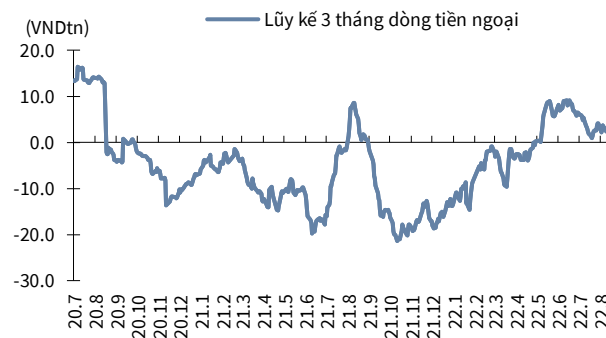
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

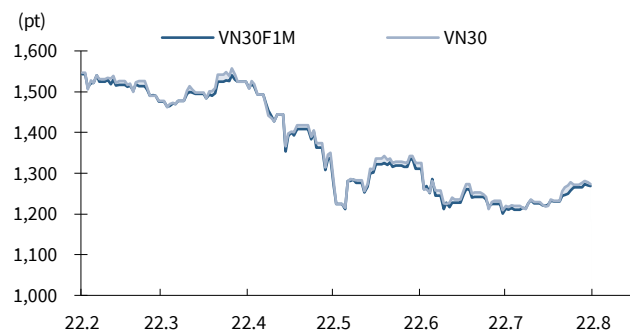
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,272.33 (-0.38%)
VN30F1M	1,268.0 (-0.20%)
Mở cửa	1,282.7
Cao nhất	1,288.0
Thấp nhất	1,268.0

Các HĐTL giảm điểm vào cuối phiên tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở trước lực bán gia tăng vào cuối phiên. Chênh lệch F2208 và chỉ số VN30 mở cửa tăng mạnh lên mức 7.85 điểm sau đó đảo chiều và biến động giằng co trong biên độ hẹp quanh mức -0.43 điểm, đóng cửa ở mức -4.33 điểm. Thanh khoản thị trường cải thiện trong phiên hôm nay.

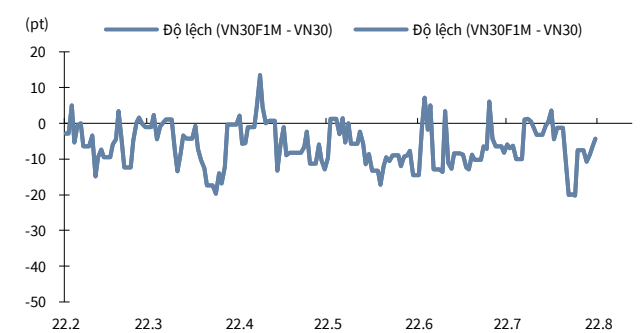
KLGD (HĐ) **203,707 (+46.0%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



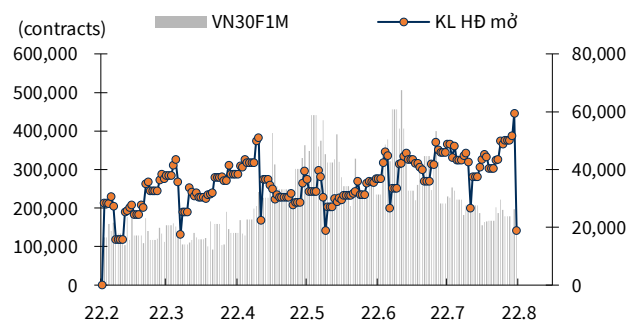
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



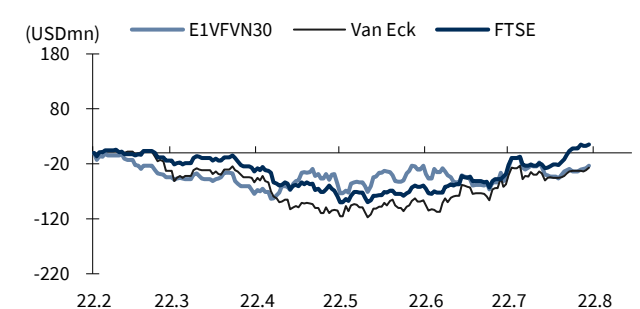
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

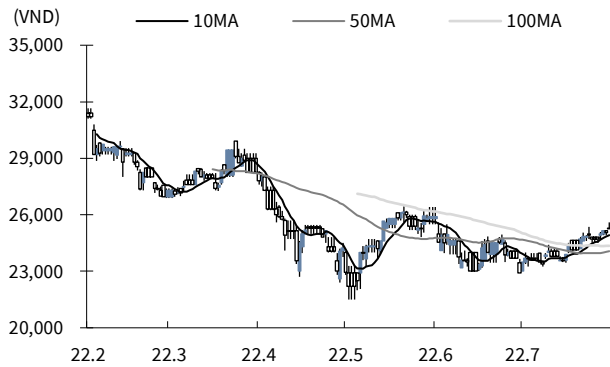
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

HDBank (HDB)

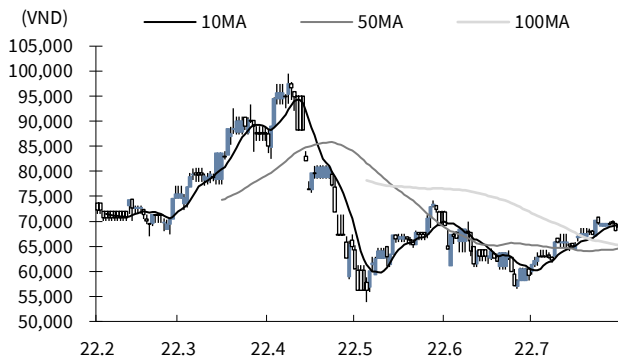


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- V#DailyFocusTextLight

- Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chấp thuận HDBank tăng vốn điều lệ thêm tối đa 5,030 tỷ đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%.
- Khi hoàn tất phương án phát hành, vốn điều lệ của HDBank sẽ tăng từ 20,273 tỷ đồng lên 25,303 tỷ đồng.

Công trình Viettel (CTR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- V#DailyFocusTextLight

- Công trình Viettel công bố kết quả kinh doanh lũy kế 7 tháng với doanh thu 5,043 tỷ đồng, tăng 21% YoY, và lợi nhuận trước thuế là 288,6 tỷ đồng, tăng 22,4%. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 59% kế hoạch doanh thu và 56% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

Gemadept (GMD)

Duy trì tăng trưởng ổn định

10/08/2022

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
 anhntn@kbsec.com.vn

2Q2022, doanh thu và lợi nhuận GMD tăng lần lượt 30% và 87%

2Q2022, Gemadept (GMD) ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt ở mức 978 tỷ VND (+30% YoY) và 334 tỷ VND (+87%YoY). Trong đó, doanh thu cảng đạt gần 800 tỷ VND (+22% YoY) và doanh thu logistics đạt 178 tỷ VND (+87% YoY).

Khối cảng Hải Phòng đạt sản lượng 560,000 Teu

Khối cảng Hải Phòng vẫn là nguồn đem lại doanh thu lớn nhất cho Gemadept, với sản lượng thông qua cảng trong 1H2022 đạt 560,000 Teu. Nam Đình Vũ giai đoạn 2 dự kiến đi vào hoạt động từ đầu 2023 sẽ trở thành động lực tăng trưởng cho khối cảng miền Bắc trong trung hạn.

Gemalink là động lực tăng trưởng của GMD trong trung và dài hạn, kỳ vọng đạt 90% công suất trong năm 2022

1H2022 Gemalink đạt công suất 650,000 Teu, đóng góp 68 tỷ VND cho lợi nhuận 6 tháng đầu năm của GMD. Với tốc độ tăng trưởng nhanh của khu vực cảng Cái Mép hiện nay, cùng với thực trạng hầu hết các cảng khu vực này đã hoạt động ở công suất tối đa, Gemalink dự kiến sẽ đạt hơn 90% công suất trong năm nay. Gemalink 2 dự kiến đi vào hoạt động từ 1Q2025 được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng cho GMD trong dài hạn.

LNST GMD 2022 ước tính đạt 959 tỷ VND, tăng 33% YoY

Chúng tôi ước tính LNST của GMD năm nay có thể đạt 959 tỷ VND, tăng 33% YoY, với dự kiến doanh thu thuần đạt 3,680 tỷ VND tăng 15% YoY, cùng với đó cảng Gemalink đóng vai trò tăng trưởng lớn, dự kiến đạt mức lợi nhuận 174 tỷ VND trong năm nay.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 71,500 VND/ cổ phiếu

Sử dụng phương pháp định giá từng phần (SOTP), chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GMD, giá mục tiêu 71,500 VND/ cổ phiếu, tương ứng mức sinh lời 37.5% so với giá đóng cửa ngày 10/08/2022.

MUA

Giá mục tiêu VND 71,500

Tăng/giảm	+37.5%
Giá hiện tại (10/8/2022)	VND 52,000
Giá mục tiêu	VND 71,500
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	15,671

Dự phóng KQKD & định giá

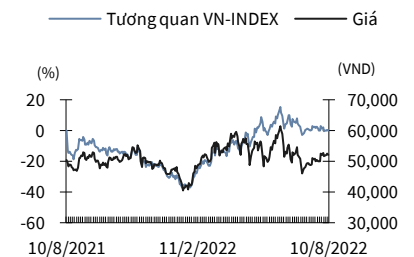
	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	2,606	3,206	3,680	4,323
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	950	1,142	1,328	1,564
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	440	721	959	1,111
EPS (VND)	6,207	1,602	2,760	2,404
Tăng trưởng EPS (%)	207%	-74%	72%	-13%
P/E (x)	8.4	32.5	18.9	21.6
P/B (x)	2.4	2.2	1.7	2.1
ROE	6.7%	10.2%	10.2%	11.4%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	74%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	133,569
Sở hữu nước ngoài	43.6%
Cơ cấu cổ đông	SSJ Consulting (9.9%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5	3	2	3
Tương đối	-1	0	18	11



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng tích cực đầu phiên trước khi dần suy yếu và trải qua nhịp giảm điểm khá mạnh trong phiên chiều.
- Tín hiệu hồi phục nhẹ và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên chưa đủ để giúp thị trường thoát khỏi một phiên phân phối tiêu cực. Điều này cũng hàm ý khả năng mở rộng thêm của nhịp điều chỉnh trong những phiên tới vẫn để ngỏ với vùng hỗ trợ gần tại 1240 và sâu hơn là 121x.
- Sau khi bán giảm một phần tỷ trọng ngắn hạn tại vùng cản, NĐT được khuyến nghị có thể giải ngân lại một phần vị thế đã bán tại các vùng hỗ trợ, nhưng cần kiểm soát tỷ trọng và linh hoạt kết hợp bán trading trong nhịp hồi phục sau đó.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1275 - 1279

Kháng cự gần: 1271 - 1273

Hỗ trợ gần: 1261 - 1265

Hỗ trợ xa: 1252 - 1256

- F1 mở gap tăng tích cực đầu phiên trước khi dần suy yếu và trải qua nhịp lao dốc khá mạnh về cuối phiên.
- Sự xuất hiện của một phiên bulltrap và phân phối điển hình ngay tại vùng kháng cự mạnh cho thấy khả năng mở rộng thêm của nhịp điều chỉnh trong những phiên tới với hai vùng hỗ trợ đáng lưu ý, gần là 125x và sâu hơn là quanh 1240 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Kê bán thăm dò một phần tỷ trọng tại vùng kháng cự xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

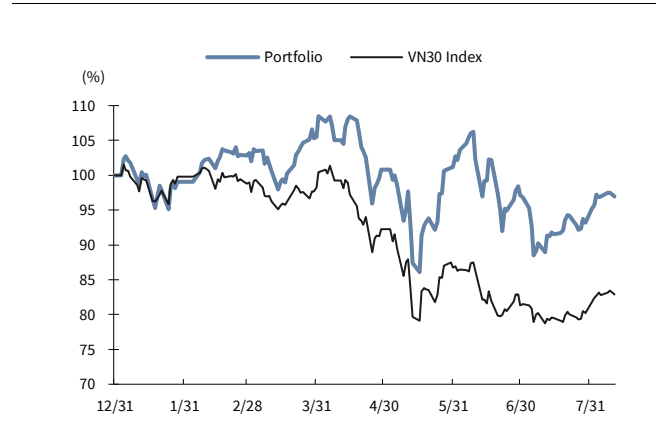
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.38%	-0.30%
Tăng lũy kế (YTD)	-17.15%	-3.04%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	63,000	-0.9%	63.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	25,300	1.2%	-11.2%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	114,100	-2.1%	48.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	184,500	-0.3%	-3.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	80,200	-0.5%	171.3%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,000	0.0%	254.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,500	0.2%	50.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	113,000	1.9%	54.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,400	-1.7%	110.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	37,500	-0.8%	265.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	-0.6%	24.7%	67.7
HDB	1.0%	17.3%	47.6
VND	-1.1%	18.4%	47.0
CTG	0.2%	26.8%	34.9
STB	1.2%	22.9%	33.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.9%	54.7%	-119.2
VCI	-5.5%	18.3%	-73.5
VHM	0.2%	23.3%	-53.0
HPG	-1.7%	20.2%	-58.9
VJC	-0.2%	16.8%	-14.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.0%	8.7%	51.8
PVI	-0.4%	58.5%	3.5
IDC	-1.9%	2.1%	3.3
SHS	-0.7%	7.0%	2.8
PVG	-1.9%	1.7%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	0.8%	3.1%	-6.9
TNG	-1.8%	4.7%	-0.4
NVB	0.4%	12.1%	-0.4
GKM	-0.5%	0.0%	-0.1
TVD	-3.0%	3.4%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.5%	GAS, POW
Dầu khí	2.1%	PVD, PLX
Dịch vụ tài chính	2.1%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	1.4%	VGC, CII
Ô tô và phụ tùng	1.4%	SVC, DRC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.0%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-2.0%	BVH, PGI
Thực phẩm và đồ uống	-1.3%	VNM, SAB
Ngân hàng	-1.0%	BID, VCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.8%	PNJ, STK

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	11.4%	VGC, VCG
Dịch vụ tài chính	10.6%	SSI, VND
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9.4%	GAS, POW
Ngân hàng	6.8%	VCB, BID
Dầu khí	6.7%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-1.1%	BVH, PGI
Y tế	2.1%	TNH, DBD
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.5%	PNJ, NHT
Bán lẻ	2.6%	BTT, COM
Du lịch và Giải trí	3.0%	VJC, SCS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	74,987 (3.2)	22.5	274.2	106.3	14.7	8.4	2.3	2.4	2.4	1.5	-0.9	-6.0	-30.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	134,099 (5.7)	26.6	8.6	7.2	35.9	21.6	21.6	1.8	1.5	0.2	-2.5	1.5	-25.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	39,303 (1.7)	17.8	28.5	18.6	-7.6	8.1	10.3	2.0	1.9	1.8	-0.3	11.2	-4.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	167,603 (7.2)	31.3	29.0	22.9	6.7	15.1	16.4	4.0	3.4	-2.3	3.6	10.8	-10.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	31,000 (1.3)	11.6	20.1	17.1	13.7	12.9	16.3	2.4	2.1	0.6	0.0	11.4	-15.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	238,506 (10.2)	13.9	14.9	14.7	-	13.5	11.6	1.7	1.6	-0.7	4.1	33.0	-20.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	81,554 (3.5)	6.3	14.4	12.0	11.7	21.3	21.8	2.8	2.3	1.2	-1.2	13.2	3.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	64,007 (2.7)	12.7	14.5	11.6	-5.3	15.5	17.2	2.0	1.7	-0.3	-2.5	11.0	3.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	159,500 (6.8)	0.0	6.3	5.3	14.3	20.7	19.8	1.2	1.0	-0.8	0.3	8.1	-23.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	122,023 (5.2)	1.4	7.5	6.2	50.3	18.1	20.5	1.2	1.1	0.2	-1.2	11.8	-15.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	329,378 (14.1)	0.0	7.2	6.8	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	-1.7	0.7	7.6	-17.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	205,362 (8.8)	0.0	6.5	5.3	14.6	23.7	22.7	1.3	1.1	-1.5	-0.6	9.8	-7.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	43,677 (1.9)	4.2	7.1	5.8	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	1.0	1.6	10.5	-18.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	339,344 (14.5)	14.0	12.7	11.5	26.5	11.3	14.9	1.2	1.1	1.2	0.0	14.3	-20.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	57,398 (2.5)	0.0	10.2	6.0	24.3	22.3	22.4	1.4	1.1	0.7	-1.0	9.6	-30.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,494 (0.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	11.9	-	-	0.0	-1.8	-2.1	-11.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	71,354 (3.1)	21.0	17.7	14.5	15.8	9.0	11.9	1.8	1.6	-1.4	-2.9	3.8	1.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,976 (0.3)	14.2	14.6	11.8	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	-0.2	2.1	8.0	-31.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	456,624 (19.5)	55.4	8.9	8.3	-3.2	19.3	16.4	1.4	1.2	-0.6	3.6	18.2	-49.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	222,159 (9.5)	71.9	9.8	9.4	-4.0	24.7	20.6	2.0	1.8	-5.5	3.4	26.3	-38.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	208,732 (8.9)	52.4	9.5	9.2	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	-1.6	-2.2	18.5	-41.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	478,611 (20.5)	27.2	9.4	8.0	36.3	25.7	24.3	2.2	1.8	-1.1	3.5	23.0	-34.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	128,000 (5.5)	42.1	16.6	15.3	4.0	28.0	29.2	4.3	4.2	-1.9	-3.0	-2.6	-17.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,232 (1.1)	36.9	27.3	22.8	7.3	20.0	21.3	5.0	4.4	0.0	-1.6	17.3	20.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	81,565 (3.5)	16.5	24.9	19.9	-51.9	17.4	19.2	3.9	3.4	0.9	-1.0	4.2	-25.1
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	103,381 (4.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	-1.7	-0.3	30.5	-44.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,523 (2.8)	11.0	52.2	18.4	-88.5	8.9	21.6	-	-	-0.2	-3.1	-1.7	-2.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	57,218 (2.4)	10.8	18.8	15.3	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.0	-1.0	-0.2	7.1	8.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	120,432 (5.1)	38.4	8.0	39.3	65.7	14.1	2.6	1.1	1.1	2.2	10.8	26.3	-50.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	19,861 (0.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-3.5	-	-	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	218,636 (9.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.9	1.7	15.1	-41.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	51,490 (2.2)	3.6	60.8	16.4	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.5	-2.7	-3.3	0.0	-43.7
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	83,280 (3.6)	0.0	12.1	10.9	-4.5	16.0	14.2	1.8	1.8	-0.5	0.3	11.4	33.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	66,480 (2.8)	46.1	15.5	15.5	-17.5	24.4	22.6	3.7	3.4	1.9	3.7	19.1	17.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	33,127 (1.4)	31.4	12.2	11.1	-10.5	15.5	15.4	1.7	1.6	-2.3	-1.0	17.1	-1.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,118 (0.0)	34.1	21.7	9.7	-5.1	5.9	12.5	-	-	1.4	1.4	4.4	-25.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	639,366 (27.3)	18.0	5.2	5.1	21.9	27.7	22.0	1.2	1.0	-1.7	-1.1	6.1	-34.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	133,122 (5.7)	36.5	4.6	7.3	-0.5	32.3	19.2	1.3	1.2	-1.9	-1.9	0.5	-6.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	117,647 (5.0)	46.5	6.0	8.6	-4.5	35.7	20.6	1.8	1.6	-1.9	-2.0	14.8	-13.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	160,532 (6.9)	38.9	4.2	4.9	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	-2.9	2.0	14.0	-45.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	69,030 (3.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.8	-0.4	10.1	-38.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	35,147 (1.5)	4.6	19.5	15.9	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	-0.2	-0.6	5.9	-22.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	112,333 (4.8)	39.9	82.0	17.5	-11.9	0.9	4.4	0.8	0.7	-0.5	18.6	32.3	-16.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	39,536 (1.7)	35.9	8.2	7.4	2.2	14.4	15.2	1.2	1.1	-0.9	2.7	12.9	-12.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	191,656 (8.2)	0.0	15.2	12.8	14.4	25.7	25.8	3.1	2.5	-0.9	0.5	-2.3	-7.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	64,113 (2.7)	0.0	17.0	13.8	2.4	23.7	23.2	3.2	2.7	-2.1	-1.6	-1.2	18.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,836 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.3	-5.9	-2.9	-9.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	115,826 (5.0)	30.3	17.0	14.7	-75.2	30.0	27.0	4.5	3.6	0.6	6.6	6.2	18.4
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	41,380 (1.8)	34.6	9.3	11.9	41.2	32.6	22.8	2.7	2.5	-2.3	-1.9	7.8	-5.0
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	833 (0.0)	45.4	14.3	13.2	10.7	21.6	21.0	2.9	2.6	-0.9	0.7	5.6	-18.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	139,745 (6.0)	0.0	18.0	14.8	15.5	26.8	28.3	4.5	3.9	0.0	-0.1	3.9	11.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.